



nà zhǒng

那种

determiner phrase · that kind / that type

Example Sentences

Wǒ bù xǐ huān nà zhǒng tián nì de dàn gāo.
我不喜欢那种甜腻的蛋糕。

I don't like that kind of overly sweet cake.

Nà zhǒng yán sè de yī fu hěn shì hé nǐ.
那种颜色的衣服很适合你。

That kind of color clothing suits you well.

Trace each character, then write the word on your own.

那	那	那	那	那	那	那	那	那		
种	种	种	种	种	种	种	种	种	种	种
种										